QUỐC HỘI KHÓA XV
HỘI ĐỒNG DÂN TỘC

Số: 143/HĐDT15

V/v báo cáo giám sát "Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016-2021"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2021

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Giờ C Ngày 02/11
Kính chuyển: Đ/c BTCN

Kính gửi: Đồng chí Trần Văn Sơn,

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

Căn cứ Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐDT15 ngày 20/8/2021 của Hội đồng Dân tộc về Định hướng nội dung giám sát khóa XV và Nghị quyết số 132/2021/NQ-HĐDT15 ngày 25/10/2021 của Hội đồng Dân tộc về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề "Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016-2021", Hội đồng Dân tộc trân trọng đề nghị đồng chí báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang bộ chuẩn bị báo cáo về những nội dung liên quan đến chuyên đề giám sát nêu trên gửi Đoàn giám sát; đồng thời, xây dựng báo cáo của Chính phủ theo Đề cương, biểu mẫu gửi kèm (*số liệu báo cáo từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2021*).

Báo cáo đề nghị gửi 40 bản, kèm theo file điện tử đến Hội đồng Dân tộc của Quốc hội trước ngày 10/01/2022[1] (địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc lập, Ba Đình, Hà Nội; email: hieutt@quochoi.vn)[2].

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Đồng chí./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT HĐDT;
- Vụ Dân tộc, Vụ PVHĐGS (VPQH);
- Lưu: HC, DT.
- Epas: 83595

TM. HỘI ĐỒNG DÂN TỘC
CHỦ TỊCH

Y Thanh Hà Niê Kđăm

---

[1] Theo Kế hoạch giám sát số 133/KH- HĐDT15 ngày 25/10/2021 của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội (gửi kèm).

[2] Chi tiết liên hệ: Đ/c Trần Trung Hiếu, Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc – VPQH, ĐT: 0914484959

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Chính phủ)

Về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016-2021

(Ban hành kèm theo Công văn 143/HĐDT15 ngày 30/10 /2021của HĐDT, Số liệu báo cáo từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2021)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Khái quát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc và quá trình tổ chức triển khai thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang bộ giai đoạn 2016-2021.

II. VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

1. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành có liên quan đến công tác dân tộc

1.1. Các văn bản quy định chi tiết các điều, khoản, điểm của luật, pháp lệnh có nội dung liên quan đến công tác dân tộc

a) Số lượng.

- Số lượng nội dung (Điều, khoản, điểm) được giao trong luật, pháp lệnh có liên quan đến công tác dân tộc để quy định chi tiết.

- Số lượng văn bản được ban hành có hiệu lực thi hành cùng thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh; chiếm tỷ lệ bao nhiêu % số lượng nội dung (Điều, khoản, điểm) được giao trong luật, pháp lệnh. Trong đó:

+ Nghị định của Chính phủ;

+ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

- Số lượng văn bản đã ban hành nhưng có hiệu lực thi hành chậm so với thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh; chiếm tỷ lệ bao nhiêu % số lượng nội dung (Điều, khoản, điểm) được giao trong luật, pháp lệnh. Trong đó:

+ Nghị định của Chính phủ;

+ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

(Đối với 3 nội dung nêu trên, đề nghị tổng hợp theo Phụ lục 1)

- Số lượng nội dung (Điều, khoản, điểm) được giao trong luật, pháp lệnh nhưng chưa ban hành văn bản quy định chi tiết; chiếm tỷ lệ bao nhiêu % nội dung (Điều, khoản, điểm) được giao trong luật, pháp lệnh (*đề nghị tổng hợp theo Phụ lục 2*).

b) Nhận xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản; kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế.

1.2. Các văn bản ban hành để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có liên quan đến công tác dân tộc

a) Số lượng.

- Số lượng nội dung văn bản đã ban hành để tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Nghị định của Chính phủ;

+ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

- Số lượng nội dung văn bản đã ban hành nhưng chậm so với yêu cầu của Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Nghị định của Chính phủ;

+ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

(*Đối với hai nội dung trên, đề nghị tổng hợp theo Phụ lục 3*).

- Số lượng nội dung văn bản được giao trong nghị quyết nhưng chưa ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện (*đề nghị tổng hợp theo Phụ lục 4*).

b) Nhận xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản; kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế.

1.3. Các văn bản ban hành theo thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang bộ có nội dung liên quan đến công tác dân tộc (*đề nghị tổng hợp theo Phụ lục 5*).

a) Số lượng, nội dung văn bản đã ban hành.

+ Nghị định của Chính phủ;

+ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

b) Nhận xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản; kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế.

2. Nhận xét, đánh giá về văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành

2.1. Sự phù hợp của văn bản với Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

- Nhận xét, đánh giá về sự phù hợp của văn bản với Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Số lượng, nội dung văn bản chưa phù hợp với Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên (*đề nghị tổng hợp theo Phụ lục 6*) nếu có.

2.2. Sự phù hợp của hình thức văn bản với nội dung của văn bản đó

Nhận xét, đánh giá sự phù hợp của hình thức văn bản với nội dung của văn bản được ban hành.

2.3. Sự phù hợp của nội dung văn bản với thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản

Nhận xét, đánh giá về sự phù hợp của nội dung văn bản với thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản.

2.4. Sự thống nhất giữa văn bản quy phạm pháp luật hiện hành với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành của cùng một cơ quan

Đánh giá sự thống nhất giữa văn bản quy phạm pháp luật hiện hành với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành của cùng một cơ quan.

3. Về tác động, ảnh hưởng

Đánh giá tác động của việc chậm/chưa ban hành các văn bản quy định chi tiết/ban hành theo thẩm quyền đến công tác tổ chức triển khai thực hiện chính sách dân tộc (*Đề nghị đánh giá tác động cụ thể đối với từng văn bản chậm/chưa ban hành*).

4. Về trách nhiệm ban hành

Đề nghị làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chậm/chưa xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc.

III. HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc.

2. Nguyên nhân.

3. Một số kinh nghiệm rút ra.

IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội

2. Đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội

3. Đối với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

4. Đối với Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

Phụ lục 1

VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC ĐIỀU, KHOẢN, ĐIỂM ĐƯỢC GIAO TRONG LUẬT, PHÁP LỆNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016-2021[1]

(Ban hành kèm theo Công văn số 143/HĐDT15 ngày 30/10 /2021của HĐDT)

STT	Văn bản quy định chi tiết đã ban hành			Văn bản có nội dung giao quy định chi tiết			Thời gian chậm (nếu có)	Ghi chú
	Tên văn bản *(Số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành, tên của văn bản)*	**Điều, khoản, điểm có nội dung liên quan đến công tác dân tộc**	**Thời điểm có hiệu lực thi hành**	**Tên luật, pháp lệnh**	**Điều, khoản, điểm có nội dung liên quan đến công tác dân tộc**	**Thời điểm có hiệu lực thi hành**		
I. Nghị định của Chính phủ *(tổng số)*								
1.								
2.								
…								
II. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ *(tổng số)*								
1.								
2.								
…								
III. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ *(tổng số)*								
1.								
2.								
…								
Tổng số:								

[1] Đề nghị rà soát, tổng hợp theo cơ quan ban hành từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2021.

Phụ lục 2

NỘI DUNG ĐƯỢC GIAO TRONG LUẬT, PHÁP LỆNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC NHƯNG CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo Công văn số 143/HĐDT15 ngày 30/10 /2021của HĐDT)

STT	Tên luật, pháp lệnh *(Số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành, tên của văn bản)*	Thời điểm có hiệu lực thi hành	Điều, khoản, điểm có nội dung giao quy định chi tiết	Nội dung giao quy định chi tiết	Cơ quan được giao quy định chi tiết	Ghi chú
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						
…						

Phụ lục 3

VĂN BẢN BAN HÀNH ĐỂ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016-2021[1]

(Ban hành kèm theo Công văn số 143/HĐDT15 ngày 30/10 /2021của HĐDT)

STT	**Văn bản Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành**			**Nghị quyết có nội dung giao tổ chức thực hiện**			**Thời gian chậm (nếu có)**	**Ghi chú**
	Tên văn bản *(Số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành, tên của văn bản)*	**Điều, khoản, điểm có nội dung liên quan đến công tác dân tộc**	**Thời điểm có hiệu lực thi hành**	**Tên nghị quyết**	**Nội dung liên quan đến công tác dân tộc**	**Thời gian thông qua**		
I. Nghị định của Chính phủ *(tổng số)*								
1								
2								
…								
II. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ *(tổng số)*								
1.								
2.								
…								
III. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ *(tổng số)*								
1.								
2.								
…								
Tổng số								

[1] Đề nghị rà soát, tổng hợp theo cơ quan ban hành từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2021.

Phụ lục 4

NỘI DUNG ĐƯỢC GIAO TRONG NGHỊ QUYẾT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC NHƯNG CHƯA BAN HÀNH VĂN BẢN ĐỂ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Công văn số 143/HĐDT15 ngày 30/10 /2021của HĐDT)

STT	Tên nghị quyết *(Số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành, tên của văn bản)*	Thời điểm có hiệu lực thi hành	Điều, khoản, điểm có nội dung giao tổ chức triển khai thực hiện	Nội dung giao tổ chức thực hiện	Cơ quan được giao thực hiện	Ghi chú
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						
…						

Phụ lục 5

TỔNG HỢP VĂN BẢN BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ CÓ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016-2021[1]

(Ban hành kèm theo Công văn số 143/HĐDT15 ngày 30/10 /2021của HĐDT)

STT	Tên văn bản *(Số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành, tên của văn bản)*	Thời điểm có hiệu lực thi hành	Điều, khoản, điểm có nội dung liên quan đến công tác dân tộc	Nội dung	Ghi chú
I. Nghị định của Chính phủ *(tổng số)*					
1.					
2.					
…					
II. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ *(tổng số)*					
1.					
2.					
…					
III. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ *(tổng số)*					
1.					
2.					
…					
Tổng số:					

[1] Đề nghị rà soát, tổng hợp theo cơ quan ban hành từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2021.

Phụ lục 6

TỔNG HỢP VĂN BẢN CÓ DẤU HIỆU TRÁI LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI; PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016-2021[1]

(Ban hành kèm theo Công văn số 143/HĐDT15 ngày 30/10 /2021của HĐDT)

STT	Tên văn bản có dấu hiệu trái luật *(Số, ký hiệu , thời gian ban hành, cơ quan ban hành, tên của văn bản)*	Quy định có dấu hiệu trái luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Cơ sở pháp lý	Nhận định, đánh giá	Kết quả xử lý theo thẩm quyền	Ghi chú
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
…						

[1] Đề nghị rà soát, tổng hợp theo từng năm, từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2021.

QUỐC HỘI KHÓA XV
HỘI ĐỒNG DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 132 /NQ-HĐDT15

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề "Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016-2021"

HỘI ĐỒNG DÂN TỘC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐDT15 ngày 20/8/2021 của Hội đồng Dân tộc về Định hướng nội dung giám khóa XV,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát

1. Thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội về "*Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016 - 2021*".

2. Hội đồng Dân tộc của Quốc hội giao:

- Ông Y Thanh Hà Niê Kđăm, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội làm Trưởng Đoàn giám sát;

- Ông Nguyễn Lâm Thành, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội làm Phó Trưởng Đoàn giám sát;

- Bà Cao Thị Xuân, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội làm Phó Trưởng Đoàn giám sát;

3. Các Ủy viên, đại biểu và chuyên gia mời tham gia Đoàn giám sát được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng, nội dung giám sát

1. Phạm vi giám sát: Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016-2021, số liệu báo cáo từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2021.

2. Đối tượng giám sát: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ.

3. Nội dung giám sát: Tính kịp thời, đầy đủ, việc tuân thủ các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành, hình thức văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc trong thời gian tới.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát, các cơ quan, cá nhân có liên quan

1. Trưởng Đoàn giám sát chịu trách nhiệm chỉ đạo Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch giám sát và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Quy chế tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 11 tháng 01 năm 2017) và các quy định pháp luật liên quan.

3. Đoàn giám sát có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch giám sát; báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng Dân tộc để xem xét, quyết định. Hội đồng Dân tộc gửi báo cáo kết quả giám sát đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội tại kỳ họp thứ 3 (tháng 5/2022).

4. Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội chủ trì tham mưu, phục vụ Đoàn giám sát về xây dựng chương trình, kế hoạch, công tác bảo đảm, tổ chức phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBTVQH (b/c);
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Thành viên Hội đồng Dân tộc;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Vụ DT, Vụ KH-TC, Vụ PVHĐGS, Cục Quản trị (VPQH);
- Lưu: HC, Vụ DT.
- Epas: 81613

TM. HỘI ĐỒNG DÂN TỘC
CHỦ TỊCH

Y Thanh Hà Niê Kđăm

THÀNH PHẦN ĐOÀN GIÁM SÁT

(Ban hành kèm Nghị quyết số 132/NQ-HĐDT15, ngày 25/10/2021 của HĐDT)

I. Thành viên Đoàn giám sát

1. Ông Y Thanh Hà Niê Kđăm, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Trưởng Đoàn giám sát;

2. Ông Nguyễn Lâm Thành, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn giám sát;

3. Bà Cao Thị Xuân, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn giám sát;

4. Ông Quàng Văn Hương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

5. Bà Trần Thị Hoa Ry, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

6. Bà Đinh Thị Phương Lan, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

7. Ông Lưu Văn Đức, Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

8. Bà Leo Thị Lịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

9. Ông Bế Trung Anh, Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

10. Ông Lê Nhật Thành, Ủy viên Chuyên trách Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

11. Bà Trương Thị Ngọc Ánh, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

12. Bà Ma Thị Thúy, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

13. Bà Lê Thị Thanh Xuân, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đăk Lăk, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

14. Ông Hoàng Đức Chính, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hòa Bình, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

15. Bà Hoàng Thị Đôi, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

16. Bà Nguyễn Thị Sửu, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên – Huế, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

17. Ông Vi Văn Sơn, Trưởng ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên;

18. Bà Võ Thị Minh Sinh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nghệ An, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên.

II. Đại biểu và chuyên gia mời giam gia Đoàn giám sát

1. Đại diện lãnh đạo Ủy ban Dân tộc;

2. Đại diện Thường trực các Ủy ban của Quốc hội;

3. Giáo sư, Tiến sĩ Phan Trung Lý, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;

4. Ông Đặng Đình Luyến, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;

5. Bà Trần Thị Dung, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;

6. Tiến sĩ Bùi Sĩ Lợi, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội của Quốc hội;

7. Ông Bùi Văn Xuyền, nguyên Ủy viên Thường trực Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;

8. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Quốc Sửu, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

QUỐC HỘI KHÓA XV
HỘI ĐỒNG DÂN TỘC

Số: 133 /KH-HĐDT15

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT
"Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016-2021"

Thực hiện Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐDT15 ngày 20/8/2021 của Hội đồng Dân tộc về Định hướng nội dung giám sát khóa XV; Nghị quyết số 132/2021/NQ-HĐDT15 ngày 25/10/2021 của Hội đồng Dân tộc về thành lập Đoàn giám sát: "*Việc Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc giai đoạn 2016-2021*", Đoàn giám sát xây dựng Kế hoạch giám sát để triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật; việc tuân thủ các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành, hình thức văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ và cơ quan ngang bộ giai đoạn 2016-2021.

1.2. Đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại, khó khăn, vướng mắc; xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan tổ chức, cá nhân trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc.

1.3. Đề xuất, kiến nghị những giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc thời gian tới.

2. Yêu cầu

2.1. Xem xét, đánh giá đầy đủ, trung thực, khách quan, đúng quy định pháp luật trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giai đoạn 2016 – 2021.

2.2. Thực hiện đầy đủ nội dung, bảo đảm chất lượng và tiến độ đã đề ra trong Kế hoạch giám sát.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Phương pháp thực hiện

1.1. Giám sát qua văn bản

- Hội đồng Dân tộc có văn bản đề nghị Chính phủ xây dựng, chuẩn bị báo cáo chung; các Bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Thường trực Hội đồng Dân tộc tổ chức họp phiên mở rộng, mời đại diện lãnh đạo Chính phủ và một số Bộ, cơ quan ngang bộ đến báo cáo về nội dung được giám sát.

1.2. Giám sát trực tiếp

a) *Giám sát chung*: Tại Ủy ban Dân tộc.

b) *Giám sát tại các Bộ, cơ quan ngang bộ*:

- *Đoàn công tác số 1*: Giám sát Bộ Nội vụ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Tư pháp; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Nhà nước.

+ Trưởng đoàn: Ông Y Thanh Hà Niê Kđăm, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Trưởng Đoàn giám sát;

+ Thành viên Đoàn: 5 người; đại biểu và chuyên gia mời: 4 người; Tổ giúp việc: 5 người[1].

- *Đoàn công tác số 2*: Giám sát Bộ Tài Chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng.

+ Trưởng đoàn: Ông Nguyễn Lâm Thành, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn giám sát;

+ Thành viên Đoàn: 5 người; đại biểu và chuyên gia mời: 3 người; Tổ giúp việc: 3 người[2].

- *Đoàn công tác số 3*: Giám sát Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Thông tin Truyền thông; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Trưởng đoàn: Bà Cao Thị Xuân, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn giám sát;

+ Thành viên Đoàn: 5 người; đại biểu và chuyên gia mời: 3 người; Tổ giúp việc: 4 người[3].

1.3. Xây dựng báo cáo giám sát

Sau khi giám sát, Hội đồng Dân tộc tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát; tổ chức họp lấy ý kiến thành viên Hội đồng Dân tộc, chuyên gia

---

[1] Chi tiết tại Phụ lục.
[2] Chi tiết tại Phụ lục.
[3] Chi tiết tại Phụ lục.

và các đơn vị hữu quan, tiếp thu hoàn chỉnh báo cáo giám sát; gửi Báo cáo kết quả giám sát tới Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội tại kỳ họp thứ 3.

2. Tiến độ giám sát

2.1. Bước I (tháng 10/2021)

- Xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng Dân tộc về việc thành lập các Đoàn giám sát và Kế hoạch giám sát;

- Xây dựng, hoàn chỉnh đề cương, biểu mẫu báo cáo giám sát;

- Gửi Kế hoạch, Nghị quyết, văn bản đề nghị Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ chuẩn bị báo cáo theo đề cương, biểu mẫu của Hội đồng Dân tộc.

2.2. Bước II (từ tháng 12/2021 đến tháng 3/2022)

- Đôn đốc Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ gửi báo cáo theo yêu cầu về Hội đồng Dân tộc trước ngày 10/01/2022;

- Tổ chức nghiên cứu tài liệu, báo cáo của Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang bộ;

- Các Đoàn công tác tiến hành giám sát tại các Bộ, cơ quan ngang bộ;

- Các Đoàn công tác tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả giám sát tại các bộ, cơ quan ngang bộ xong trước ngày 20/3/2022;

- Thường trực Hội đồng Dân tộc tổ chức phiên họp để nghe các Đoàn báo cáo kết quả giám sát.

2.3. Bước III (tháng 3 & 4/2022)

- Xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng Dân tộc;

- Tổ chức tọa đàm lấy ý kiến chuyên gia về dự thảo báo cáo giám sát; lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ về dự thảo báo cáo kết quả giám sát;

- Tổ chức phiên giải trình (nếu thấy cần thiết);

- Hội đồng Dân tộc họp phiên toàn thể để thảo luận, tham gia ý kiến vào dự thảo báo cáo kết quả giám sát;

- Hội đồng Dân tộc hoàn thiện, gửi báo cáo kết quả giám sát đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội tại kỳ họp thứ 3 trước ngày 30/4/2022.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Y Thanh Hà Niê Kđăm chịu trách nhiệm chung; chỉ đạo các Đoàn công tác thực hiện theo đúng Kế hoạch đã đề ra.

2. Trong quá trình triển khai, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng Đoàn giám sát quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần các đoàn công tác; tổ chức thêm các cuộc họp, các phiên giải trình hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để hoàn thiện dự thảo Báo cáo kết quả giám sát.

3. Thường trực Hội đồng Dân tộc phân công đồng chí Cao Thị Xuân - Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch giám sát theo đúng nội dung và tiến độ đã đề ra.

4. Trên cơ sở Kế hoạch chi tiết, Trưởng các Đoàn công tác chỉ đạo Tổ giúp việc xây dựng chương trình làm việc cụ thể và tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; báo cáo kết quả với Trưởng Đoàn giám sát trước ngày 20/3/2022.

5. Thành viên Đoàn giám sát và đại biểu được mời tham gia Đoàn giám sát có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát theo kế hoạch; chịu sự phân công của Trưởng Đoàn giám sát.

6. Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch; đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan chuẩn bị các nội dung, điều kiện đảm bảo hoạt động của Đoàn giám sát theo kế hoạch.

7. Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện những nội dung liên quan trong kế hoạch giám sát; xây dựng báo cáo và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin theo yêu cầu của Đoàn giám sát; Phân công lãnh đạo Bộ làm việc và tạo điều kiện để Đoàn giám sát hoàn thành nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, Trưởng Đoàn giám sát có thể điều chỉnh Kế hoạch này và thông báo kịp thời đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ: Ủy ban Dân tộc; Quốc phòng; Công an; Lao động, Thương binh và xã hội; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Thông tin truyền thông; Nội vụ; Công Thương; Tư pháp; Ngân hàng nhà nước;
- Thành viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Vụ DT, Vụ KH-TC, Vụ PVHĐGS, Cục Quản trị (VPQH);
- Lưu: Vụ HC, Vụ DT;
- Epas: 81676

TM. HỘI ĐỒNG DÂN TỘC
CHỦ TỊCH

Y Thanh Hà Niê Kđăm

Phụ lục

THÀNH PHẦN THAM GIA CÁC ĐOÀN CÔNG TÁC

I. ĐOÀN CÔNG TÁC SỐ 1

1. Trưởng đoàn

Ông Y Thanh Hà Niê Kđăm, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Trưởng Đoàn giám sát.

2. Thành viên

(1) Ông Quàng Văn Hương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(2) Bà Leo Thị Lịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(3) Bà Ma Thị Thúy, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(4) Bà Lê Thị Thanh Xuân, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đăk Lăk, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(5) Ông Vi Văn Sơn, Trưởng ban Dân tộc tỉnh Nghệ An, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát.

3. Đại biểu và chuyên gia mời tham gia

(1) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Dân tộc;

(2) Đại diện Thường trực 01 Ủy ban của Quốc hội;

(3) Giáo sư, Tiến sĩ Phan Trung Lý, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;

(4) Bà Trần Thị Dung, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.

4. Phục vụ Đoàn công tác

(1) Ông Sa Văn Khiêm, Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội;

(2) Ông Đặng Vũ Hải, Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội;

(3) Bà Lê Thị Yên, Chuyên viên chính Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội;

(4) Ông Hoàng Anh Bình, Chuyên viên Chính Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội;

(5) Thư ký Chủ tịch Hội đồng Dân tộc.

II. ĐOÀN CÔNG TÁC SỐ 2

1. Trưởng đoàn

Ông Nguyễn Lâm Thành, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn giám sát.

2. Thành viên

(1) Bà Đinh Thị Phương Lan, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(2) Ông Bế Trung Anh, Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(3) Bà Trương Thị Ngọc Ánh, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(4) Ông Hoàng Đức Chính, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hòa Bình, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(5) Bà Hoàng Thị Đôi, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát.

3. Đại biểu và chuyên gia mời tham gia

(1) Đại diện Thường trực 01Ủy ban của Quốc hội;

(2) Ông Bùi Sĩ Lợi, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội của Quốc hội;

(3) Ông Bùi Văn Xuyền, nguyên Ủy viên Thường trực Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.

4. Phục vụ Đoàn công tác

(1) Ông Triệu Văn Bình, Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội;

(2) Ông Đặng Quốc Vũ, Chuyên viên cao cấp Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội.

(3) Ông Phan Văn Cương, Chuyên viên chính Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội.

III. ĐOÀN CÔNG TÁC SỐ 3

1. Trưởng đoàn

Bà Cao Thị Xuân, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn giám sát.

2. Thành viên

(1) Bà Trần Thị Hoa Ry, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(2) Ông Lưu Văn Đức, Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(3) Ông Lê Nhật Thành, Ủy viên Chuyên trách Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(4) Bà Võ Thị Minh Sinh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nghệ An, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát;

(5) Bà Nguyễn Thị Sửu, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên-Huế, Ủy viên Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Thành viên Đoàn giám sát.

3. Đại biểu và chuyên gia mời tham gia

(1) Đại diện Thường trực 01 Ủy ban của Quốc hội

(2) Ông Đặng Đình Luyến, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;

(3) Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Quốc Sửu, Phó Hiệu trưởng trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

4. Phục vụ Đoàn công tác

(1) Ông Trần Trung Hiếu, Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội;

(2) Bà Phùng Thị Hạnh, Chuyên viên cao cấp Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội;

(3) Ông Tăng Tiến Tùng, Chuyên viên Chính Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội;

(4) Ông Nguyễn Tiến Thành, Chuyên viên Vụ Dân tộc, Văn phòng Quốc hội.